

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-ST

Ngày 05 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 2

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thượng tá Lương Hữu Thật.

Các Hội thẩm quân nhân:

Thiếu tá Nguyễn Bá Kường,

Thiếu tá Nguyễn Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Đại úy Đặng Quốc Đạt - Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 2.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 2 tham gia phiên tòa: Trung tá Nguyễn Chí Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại Phòng xử án; Tòa án quân sự Quân khu 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Chu Quốc L, sinh năm 1993 tại Phú Thọ; nơi cư trú: K9, xã HQ, huyện TN, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Công nhân, Công ty Cổ phần T (địa chỉ: Xã TU, huyện TN, tỉnh Phú Thọ); trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn T1 và bà Ngô Thị H; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/12/2010, bị Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự (BLHS) tại Bản án số 40/2010/HSST. Ngày 24/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Phú Thọ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS tại Bản án số 32/2011/HS-ST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/5/2011. Ngày 22/6/2012, bị Công an thị xã PT, tỉnh Phú Thọ xử phạt hành chính 750.000 đồng theo Quyết định số 67/QĐ-XPHC về hành vi dùng gạch đánh người gây thương tích. Các vi phạm này bị cáo đã chấp hành xong, đã được xóa án tích và coi như chưa vi phạm. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/7/2022 đến 06/8/2023, tạm giam từ ngày 06/8/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Quân khu 2. Có mặt.

- Lý lịch bị hại: Đặng Trung Th; sinh năm 1986; nghề nghiệp: Nhân viên giám sát OS Điểm bán, Phòng quản lý bán hàng, Chi nhánh VT tỉnh Lai Châu; hộ khẩu

thường trú: Khu 10, xã LS, huyện TN, tỉnh Phú Thọ; nơi ở: Tổ dân phố số 10, thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái (đã tử vong ngày 31/7/2022).

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại:** Bà Nguyễn Thị V, (Mẹ đẻ của bị hại Đặng Trung Th); sinh năm 1963; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: K10, xã LS, huyện TN, tỉnh Phú Thọ được ông Đặng Văn X (bố đẻ của bị hại), sinh năm 1964; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Khu 10, xã LS, huyện TN, tỉnh Phú Thọ ủy quyền ngày 22/5/2023. Chị Nguyễn Thị Hương N (vợ của bị hại), sinh năm 1985; nghề nghiệp: Giáo viên; nơi cư trú: T10, thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái ủy quyền ngày 19/5/2023. Có mặt.

- Những người làm chứng:

1. Anh Đỗ Đình Đ - Có mặt;
2. Chị Đặng Tuyết M - Có mặt;
3. Anh Lê Văn T - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 30/7/2022, anh Đặng Trung Th đến chơi và uống bia cùng anh Đỗ Đình Đ tại lán trại của gia đình anh Đ thuộc K6, xã BS, huyện TN, tỉnh Phú Thọ. Đến khoảng 00 giờ 11 phút ngày 31/7/2022, anh Đ gọi điện thoại cho Chu Quốc L để rủ sang uống bia cùng và được L đồng ý; sau đó L rủ thêm Lê Văn T (là người làm cùng Công ty với L và Đ). Khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày thì L và T đến, cùng ngồi uống bia với Th, Đ. Đến khoảng 01 giờ 00 phút cùng ngày, khi đang ngồi ăn uống thì giữa Th và L xảy ra mâu thuẫn tranh cãi, thách thức với nhau. Th nói với L là có nhiều mối quan hệ, quen biết các đối tượng ngoài xã hội thì L nói “anh quan hệ kệ anh, em không muốn nghe”, Th vẫn tiếp tục có những lời nói “khoe mẽ” với L thể hiện việc mình đang có án và có nhiều mối quan hệ xã hội. L tức giận và nói với Th “tao nhìn mày từ đầu quá nhiều rồi đấy, giờ mày thích thế nào”, Th trả lời “tao thích đánh nhau”, L liền cầm bát ném về phía Th nhưng không trúng. Sau đó, Th, L, T lần lượt đi ra ngoài sân trang trại; L và T đánh nhau với Th tại khu vực sân trước lán trại nhà anh Đ. Khi nghe có tiếng động mạnh, chị Đặng Tuyết M (là vợ anh Đ) cùng anh Đ ra can ngăn nên hai bên dừng lại không đánh nhau nữa. Khi được chị M và anh Đ can ngăn, Th và L tiếp tục chửi và thách thức nhau, Th tìm kiếm nhiều vật dụng trong nhà, như: Kéo, ván gỗ, kìm, điều cày để đánh nhau nhưng được chị M can ngăn tại cửa lán trại, còn anh Đ can ngăn L và T ra phía ngoài khu vực lán trại. Sau đó, L đi vào khu vực bếp lấy một con dao bầu (dài khoảng 25 - 30 cm, phần lưỡi rộng nhất 07- 08 cm) cầm bằng tay phải đi về phía Th, quá trình đi vào thì L xô ngã anh Đ tại khu vực sân, khi đến khu vực cửa lán trại thì tiếp tục xô ngã chị M để đánh nhau với Th. Lúc này, Th đang cầm 01 điều cày (dài 65cm, đường kính 4,5cm) vụt xuống hướng vào đầu L, đồng thời L dùng dao đâm một nhát từ sau về trước, từ phải sang trái, trúng ngực phải anh Th. Sau đó, L rút dao ra và đi ra phía ngoài khu vực lán trại tiếp tục chửi và thách thức Th. Sau sự việc trên, anh Đ và chị M yêu cầu L đi

về nên T đã điều khiển xe mô tô BKS 19N1- 235.04 chở L về nhà. Trên đường đi về, L đã rút con dao dùng để đâm Th.

Hậu quả: Anh Đặng Trung Th bị thương được đưa đi cấp cứu, đến 02 giờ 00 phút ngày 31/7/2022 thì tử vong.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu và bổ sung: “... Trong lúc uống bia, anh Th khoe mẽ, thể hiện mình có án, quen biết nhiều người; khi biết bị cáo không đồng tình, anh Th nói thích đánh nhau nên bị cáo đã đánh nhau với anh Th. Sau khi được can ngăn, anh Th vẫn cầm các vật dụng để tiếp tục đánh nhau với bị cáo. Bị cáo tìm và nhìn thấy con dao bầu mũi nhọn nên đã cầm để tiếp tục đánh nhau với anh Th. Khi bị cáo đến gần, đối diện với anh Th thì anh Th cầm điều cày vụt về phía đầu bị cáo; còn bị cáo thì rút tay cầm dao lại đâm một nhát từ sau về trước, từ phải sang trái, trúng ngực phải anh Th... Không có ai xúi giục, cổ vũ, khích lệ bị cáo cầm dao đâm anh Th; bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, nếu bị cáo biết anh Th tử vong, bị cáo sẽ ra đầu thú...”.

Tại phiên tòa, những người làm chứng khai báo về diễn biến vụ án được chứng kiến; về đặc điểm, hình dáng, kích thước con dao bị cáo L đã dùng để đâm bị hại Th như Cáo trạng đã nêu.

Người làm chứng Đỗ Đình Đ còn khai: “... Sau khi được vợ chồng tôi can ngăn, T đứng ở cuối sân gần khu vực đường đất; trước và trong khi L đâm Th, tôi không thấy T có động tác, lời nói kích động gì L để L đâm Th... Sự việc xảy ra, lỗi chính thuộc về bị cáo L, bị hại Th cũng có một phần lỗi do đã chửi và thách thức L...”.

Người làm chứng Đặng Tuyết M còn khai: “... Khi bị cáo L và bị hại Th xô xát, vật lộn nhau mặc dù được can ngăn, Th vẫn cố tình chạy vào nhà tôi tìm kiếm các vật dụng với ý định ra ngoài để đánh nhau với L. Khi được đẩy ra khỏi lán nhưng do L và Th vẫn đang chửi bới, thách thức nhau nên L đã tìm và lấy dao bầu, đi đến đâm Th... Sau khi cùng bị cáo L xô xát, vật lộn bị hại Th, T đứng ở cuối sân, chủ động can ngăn L và bảo L đi về; không có việc T kích động, xúi giục L đâm Th...”.

Người làm chứng Lê Văn T còn khai: “... Khi bị hại Th và bị cáo L đang vật nhau dưới đất, tôi ôm Th để can ra, khi tôi đến ôm Th thì tôi có dùng chân dẫm vào chân của Th nhưng bị Th đạp văng ra. Sau đó, anh Đ, chị M can ngăn Th, tôi can ngăn L ra... Tôi không thấy ai xúi giục và bản thân không kích động hay cổ vũ để L đâm Th mà còn chủ động can ngăn trước lúc L đâm Th. Sau khi L đâm Th, do sợ quá nên tôi kéo L và bảo L đi về; cả bị cáo L và bị hại Th đều có lỗi do xô xát, thách thức nhau...”.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ lập hồi 08 giờ ngày 31/7/2022, xác định: “Tại trang trại của gia đình anh chị Đ, M... trên mặt sàn gỗ, mặt chiếu cói, mặt mâm, mặt bát sứ, mặt can nhựa màu vàng loại 05 lít phát hiện vùng chất dịch màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt, dạng đọng chảy trên diện 2,25m x 0,95m. Trên bề mặt chiếc kìm có bám dính chất dịch màu nâu đỏ...”.

Tại biên bản khám nghiệm tử thi Đặng Trung Th do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ lập hồi 05 giờ 30 phút ngày 31/7/2022, xác định: “Khám bên ngoài: Vùng thái dương trái bên trên có vết xây xát da kích thước (KT) 4 x 2 (cm)...; vùng cổ bên phải có vết xước da đứt đoạn liên tục KT 4 x 0,1(cm); vùng cổ bên trái có vết xây xát da trên diện KT 7 x 2,5(cm). Vùng ngực bên phải, cách đường giữa xương ức 4(cm), phía dưới xương đòn bên phải 3(cm) có vết thương rách da, bờ mép sắc gọn KT 4,5 x 2,5(cm), vết thương đầu tù ở phía trên, đầu nhọn ở phía dưới, chiều hướng từ trái sang phải, từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, vết thương sâu thẳm vào trong lồng ngực để lộ phổi thoát ra ngoài qua vết thương; khép miệng vết thương dài 4,5(cm); Dấu hiệu tràn khí dưới da vùng ngực bên phải. Vùng mặt sau khuỷu tay có các vết xây xát da trên diện 7,5 x 3,5(cm). Mặt trước bên dưới gối trái có vết xây xát da KT 6 x 2,5(cm); mặt trước gối phải có vết xây xát da KT 6,5 x 1,5(cm)...; bờ dưới mắt cá trong và gót chân bàn chân phải có vết xây xát da, tụ máu KT 8 x 1,5(cm). Mổ tử thi: ... Rạch mô da cơ vùng ngực thấy tổ chức cơ vùng ngực phải tương ứng vết thương rách thủng da bên ngoài ngấm máu; đứt hoàn toàn sụn xương sườn 2, 3 bên phải, vết thương sâu thẳm vào lồng ngực... mặt trước thùy trên phổi phải có vết rách thủng phổi KT 3,5 x 0,2(cm); sâu vào nhu mô phổi KT 3(cm)...”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y qua tài liệu, số 65/GĐ-PY ngày 09/11/2022 của Viện Pháp y Quân đội - Cục Quân y, kết luận: “Các vết xây xát da: vùng thái dương bên trái, xếp tỷ lệ 1%; vùng cổ bên trái, xếp tỷ lệ 1%; vùng cổ phải, xếp tỷ lệ 1%; mặt sau khuỷu tay trái, xếp tỷ lệ 1%; vùng gối phải, xếp tỷ lệ 1%; gối trái, xếp tỷ lệ 1%; gót chân phải, xếp tỷ lệ 1%. Cộng tỷ lệ tổn thương cơ thể và làm tròn theo quy định các tổn thương nêu trên Đ 07%”.

Tại Công văn số 423/GĐ-PY ngày 26/12/2022 của Viện Pháp y Quân đội về việc giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể, xác định: “Các vết xây xát da vùng thái dương bên trái, vùng cổ bên trái, vùng cổ phải, mặt sau khuỷu tay trái, gối phải, gối trái và gót chân phải là do tác động của vật tày”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1180/KL-KTHS ngày 30/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ, kết luận: “Nguyên nhân chết của Đặng Trung Th là: Mất máu cấp do vết thương thấu ngực gây rách thủng phổi phải. Cơ chế hình Th thương tích: Vết thương tại vùng ngực bên phải là do vật sắc nhọn”.

Tại Biên bản làm việc truy tìm vật chứng ngày 21/9/2022 và ngày 02/02/2023 của Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp - Bộ Quốc phòng, tại khu vực ao nuôi cá của gia đình anh Phạm Văn K thuộc K12, xã HQ, huyện TN, tỉnh Phú Thọ: Kết quả không phát hiện được vật thể nghi là vật chứng của vụ án.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 23 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát quân sự Quân khu 2 đã truy tố bị cáo Chu Quốc L về tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 BLHS.

Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, Điều luật đối với bị cáo như cáo trạng đã nêu; đồng thời phân tích các

chứng cứ, tài liệu chứng minh tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân và mức độ lỗi của bị cáo; đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: “Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”; “Thành khẩn khai báo” theo điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 (bị hại cũng có lỗi; ông Chu Văn T1, bố đẻ của bị cáo có Giấy chứng nhận số 85/KT ngày 15/3/1987 của E82, M379, xác nhận: Đủ tiêu chuẩn khen thưởng: Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba; Huy chương Chiến công hạng Ba) theo Điều 51 BLHS. Bị cáo có ông nội là Chu Văn T2 được tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất; có cụ nội là ông Chu Văn S được tặng thưởng Bằng khen kháng chiến; bố đẻ bị cáo đủ tiêu chuẩn được khen thưởng Bằng khen Bộ Quốc phòng theo Giấy chứng nhận số 85/KT; đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây không phải là tình tiết giảm nhẹ theo Điều 51 BLHS nhưng đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét khi lượng hình. Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Chu Quốc L từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 31/7/2022).

Do bị cáo bị áp dụng hình phạt tù, trước khi phạm tội là công nhân, công việc của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, khoản 1 các Điều 584, Điều 585, Điều 586, và Điều 591 Bộ luật Dân sự (BLDS) buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Đặng Trung Th; tuy nhiên, ngày 21/4/2023, đại diện gia đình bị cáo (theo ý chí của bị cáo) và gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại của vụ án với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên và không trái pháp luật đề nghị HĐXX ghi nhận.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc kéo; 01 mảnh gỗ; 01 miếng cày; 01 chiếc kìm; 02 chai nước mắm; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 bộ quần áo của bị cáo Chu Quốc L; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại: 01 điện thoại di động Iphone cho bị cáo Chu Quốc L; 01 điện thoại di động Iphone 6s cho anh Lê Văn T.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo Chu Quốc L phải chịu án phí hình sự 200.000 đồng.

Tranh luận tại phiên tòa,

Bị cáo nhất trí với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và cho rằng mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là cao.

Đại diện hợp pháp của bị hại nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đôi đáp với ý kiến của bị cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về hình phạt và cho rằng mức án từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đôi đáp với ý kiến đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, Kiểm sát viên cho rằng mặc dù đây không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 BLHS nhưng Viện kiểm sát đã xem xét và đề nghị HĐXX xem xét khi lượng hình.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Chu Quốc L đã ân hận về sai phạm của mình, xin lỗi gia đình bị hại, mong gia đình bị hại độ lượng tha thứ cho bị cáo và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân tốt, sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp - Bộ Quốc phòng; Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Quân khu 2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên toà, người tham gia tố tụng trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Chu Quốc L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, xác minh tại phiên toà như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám nghiệm tử thi, Bản kết luận giám định pháp y qua tài liệu, Bản kết luận giám định pháp y tử thi... Từ sự phù hợp đó, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Sau khi tranh cãi, mâu thuẫn, thách thức với nhau, bị cáo L và bị hại Th đã xô xát, vật lộn ở ngoài sân lán trại có sự tham gia của Lê Văn T, gây ra thương tích 7% cho bị hại; được vợ chồng anh Đ, chị M can ngăn, bị hại Th liền chạy vào nhà anh chị Đ, M tìm kiếm các vật dụng (kéo, ván gỗ, kìm, điều cày) với ý định ra ngoài để đánh nhau với bị cáo L. Khi được can ngăn, đẩy ra khỏi lán nhưng do đang tranh cãi, thách thức nhau nên bị cáo L đã tìm kiếm đồ vật, khi nhìn thấy con dao bầu đã cầm lấy để tiếp tục đánh nhau với bị hại Th. Mặc dù, được anh Đ, T và chị M ngăn cản nhưng bị cáo vẫn cầm dao bằng tay phải, đẩy ngã anh Đ, chị M; hướng mũi dao về phía trước, đi về phía bị hại Th. Khi bị cáo đến đối diện với bị hại Th thì bị hại Th cầm điều cày vụt xuống hướng vào đầu L, đồng thời L rút tay cầm dao lại đâm một nhát từ sau về trước, từ phải sang trái, trúng ngực phải (vùng trọng yếu) của bị hại Th làm Th tử vong sau đó. Sự việc xảy ra, lỗi chính thuộc về bị cáo L, bị hại Th cũng có một phần lỗi do đã chửi và

thách thức bị cáo; không có ai xúi giục, kích động, cổ vũ bị cáo L thực hiện hành vi đâm bị hại Th.

Đối với hành vi của Lê Văn T: Quá trình thẩm tra, xác minh tại phiên toà, HĐXX xác định T có dùng tay, chân tác động vào người bị hại Th khi bị cáo L và bị hại Th xô xát, vật lộn nhau tại khu vực sân lán trại. Sau khi được anh chị Đ M can ngăn thì T đã dừng lại. Thương tích của bị hại Th do bị cáo L và T dùng chân, tay gây ra là 7%. Do bị hại Th là người thành niên đã chết, đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu khởi tố vụ án; bản thân Lê Văn T là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; việc dùng tay, chân trong lúc bị cáo xô xát với bị hại Th là nhằm mục đích để can ngăn bị cáo L và bị hại Th nên hành vi của Lê Văn T không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 BLHS. Khi thấy bị cáo L cầm dao, T cũng đã có những hành động và lời nói để ngăn cản bị cáo. Trước khi, bị cáo L dùng dao đâm bị hại Th thì T đã chấm dứt hành vi, không cổ vũ, giúp sức cho bị cáo L. Sau khi xảy ra sự việc, khi vợ chồng anh Đ bảo T chở bị cáo L về nhà, lúc này bị cáo và T chưa biết bị hại Th sẽ tử vong; trên đường đi về bị cáo vứt dao, T không biết. Đến khoảng 03 giờ ngày 31/7/2022, khi được Công an xã HQ, huyện TN, tỉnh Phú Thọ triệu tập, T đã trình báo sự việc. Vì vậy, hành vi của Lê Văn T không đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại Điều 390 BLHS; và không có căn cứ xác định Lê Văn T đồng phạm với bị cáo L về tội “Giết người” quy định tại Điều 123 BLHS. Do vậy, quan điểm không truy cứu trách nhiệm hình sự và đề nghị Công an huyện TN, tỉnh Phú Thọ xử lý vi phạm hành chính đối với Lê Văn T của Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp - Bộ Quốc phòng và Viện kiểm sát quân sự Quân khu 2 là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ nhận định, phân tích, đánh giá trên, HĐXX có đủ cơ sở khách quan và căn cứ pháp lý để kết luận: Hành vi của bị cáo Chu Quốc L đã phạm tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 BLHS. Do đó, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là rất nghiêm trọng. Hành vi đó của bị cáo Chu Quốc L đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sống của bị hại Đặng Trung Th được pháp luật bảo vệ nên hành vi của bị cáo cần phải Đ xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Về nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: HĐXX thấy, nguyên nhân dẫn đến vụ án xuất phát từ việc trong lúc tham gia uống bia cùng mọi người, giữa bị cáo L và bị hại Th xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn, thách thức với nhau; dẫn đến việc bị cáo L và bị hại Th xô xát vật lộn nhau; mặc dù đã được can ngăn nhưng bị hại và bị cáo vẫn cố chấp, không làm chủ hành vi của mình; tiếp tục tìm các vật dụng để đánh nhau bất chấp sự ngăn cản của mọi người. Bị cáo L có nhân thân xấu; ngày 22/12/2010, bị Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 24/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Phú Thọ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/5/2011. Ngày

22/6/2012, bị Công an thị xã PT, tỉnh Phú Thọ xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi đánh người gây thương tích. Các vi phạm này, bị cáo đã chấp hành xong, đã được xóa án tích và coi như chưa vi phạm. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo chưa thành khẩn; tại phiên tòa, bị cáo đã hối hận, khai báo rõ về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã nhờ và được gia đình đồng ý cho và đến thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại 200.000.000 đồng. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”; “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại các điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trong vụ án này, bị hại Th cũng có lỗi do có lời nói thách thức, hành vi xô xát với bị cáo L dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo có ông nội là Chu Văn T2 được Nhà nước tặng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với việc cụ nội của bị cáo là ông Chu Văn S được Chủ tịch tỉnh Phú Thọ tặng Bằng khen kháng chiến và đề nghị của đại diện hợp pháp của bị hại (bố, mẹ đẻ bị hại) về việc xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; xét thấy bị hại đã chết, căn cứ Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP (04/8/2000) thì bị cáo không được áp dụng để giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nhưng HĐXX đã xem xét khi quyết định hình phạt. Do vậy, quan điểm đề nghị ông Kiểm sát viên về nội dung này là có cơ sở chấp nhận.

Đối với Giấy chứng nhận số 85/KT ngày 15/3/1987 của E82, M379 cấp cho ông Chu Văn T1, bố đẻ của bị cáo, xác nhận: Đủ tiêu chuẩn khen thưởng: Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba; Huy chương Chiến công hạng Ba; Bằng khen Bộ Quốc phòng nhưng trên thực tế ông Chu Văn T1 chưa được khen thưởng và không rõ lý do nên không có cơ sở cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, quan điểm đề nghị ông Kiểm sát viên về nội dung này không có cơ sở chấp nhận nhưng do ông Chu Văn T1 đã có thời gian tham gia quân đội bảo vệ tổ quốc nên HĐXX đã xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Xem xét toàn diện vụ án, HĐXX thấy: Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, vụ án xảy ra đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị tại địa bàn. Do vậy, HĐXX thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội nhằm răn đe riêng, phòng ngừa chung.

Xét thấy bị cáo tuổi đời còn trẻ, khi phạm tội là công nhân hợp đồng có thu nhập không ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 123 BLHS. Do vậy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 591 BLDS, bị cáo Chu Quốc L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Đặng Trung Th. Tuy nhiên, ngày 21/4/2023, đại diện gia đình bị cáo (theo ý chí của bị cáo) và gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại của vụ án với tổng số tiền là

200.000.000 đồng. Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị cáo đã bồi thường trước cho gia đình bị hại 20.000.000 đồng; ngày 21/4/2023, gia đình bị cáo đã bồi thường nốt số tiền 180.000.000 đồng cho gia đình bị hại. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên và không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận việc tự nguyện thỏa thuận bồi thường này như đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave & màu trắng BKS 19N1-235.04 cho anh Lê Văn T ; 01 ba lô vải màu nâu đen và 01 quần dài vải màu xanh đen ... (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Samsung galaxy A11 màu xanh, gắn thẻ sim số 0983442568; 01 bộ quần áo của bị hại Đặng Trung Th cho đại diện hợp pháp của bị hại. Việc trả lại các tài sản, đồ vật này của Cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các vật chứng 01 chiếc kéo; 01 mảnh gỗ; 01 chiếc điều cày; 01 chiếc kim; 02 chai nước mắm. Xét thấy đây là những vật dụng dùng trong gia đình có giá trị không lớn; anh Đỗ Đình Đ, chị Đặng Tuyết M có đơn đề nghị và tại phiên tòa có ý kiến không nhận lại nên HĐXX căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 bộ quần áo phong cộc tay màu đen bị cáo L mặc khi gây án. Xét thấy đây không phải là vật chứng của vụ án, tại phiên tòa bị cáo từ chối nhận lại nên HĐXX căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu trắng bên trong số sim số 0393740811 của bị cáo Chu Quốc L; 01 điện thoại di động Iphone 6s dung lượng 32GB màu bạc của anh Lê Văn T. Xét thấy, hai chiếc điện thoại là tài sản của bị cáo L và anh Lê Văn T, là phương tiện dùng để liên lạc, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo L cho nên không phải là vật chứng của vụ án; tại phiên tòa bị cáo và anh T có ý kiến xin nhận lại. Do vậy, HĐXX căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho anh Lê Văn T và bị cáo Chu Quốc L.

Đối với con dao bầu bị cáo L đã sử dụng đâm bị hại Th; bị cáo khai trên đường đi về nhà đã vớt tại khu vực ao nuôi cá của gia đình anh Phạm Văn K. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tổ chức xác minh, khám xét, truy tìm nhưng không thu thập được; do vậy, không có căn cứ để HĐXX xem xét, xử lý.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Chu Quốc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Chu Quốc L phạm tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Quốc L 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 31/7/2022).

2. Về bồi thường thiệt hại

Ghi nhận bị cáo Chu Quốc L và gia đình đã thoả thuận và bồi thường xong toàn bộ thiệt hại của vụ án với tổng số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng cho đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Trung Th.

3. Về xử lý vật chứng

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 01 (một) chiếc kéo; 01 (một) mảnh gỗ; 01 (một) chiếc điều cày; 01 (một) chiếc kim; 02 (hai) chai nước mắm và 01 (một) bộ quần áo (có đặc điểm như đã nêu tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, ngày 31/7/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ; Biên bản tạm giữ tài sản đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử, ngày 31/7/2022 của Cơ quan Điều tra hình sự các TCSN - Bộ Quốc phòng; Biên bản khám xét, ngày 31/7/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN, tỉnh Phú Thọ).

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại: 01 (một) điện thoại di động Iphone cho bị cáo Chu Quốc L; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6s cho anh Lê Văn T (có đặc điểm như đã nêu tại Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, ngày 31/7/2022; Biên bản tạm giữ tài sản đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử, ngày 31/7/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN, tỉnh Phú Thọ).

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Chu Quốc L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/6/2023) bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Trung ương./.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
 - VKSQSTW;
 - VKSQSQK2;
 - CQĐTHS các TCSN - BQP;
 - CQTHAHSQK2;
 - TTGQK2;
 - Phòng THAQK2;
 - Bị cáo Chu Quốc L;
 - ĐDHP của bị hại Th;
 - Phòng TTTL, QLLLTP TAQSTW;
 - Lưu THAHS;
 - Lưu Hồ sơ vụ án.
- ĐM- In Th.12b

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng tá Lương Hữu Thật

